

Bản tin thị trường

02.11.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

DGW, NVL

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường gặp thử thách ngắn hạn

Thị trường thiếu động lực trong phiên hôm nay và đóng cửa giảm hơn 10 điểm về ngưỡng 1023. Những thông tin về việc FED tiếp tục tăng lãi suất gây lo ngại cho nhà đầu tư dẫn đến xu hướng bán ra nhiều hơn để tránh khả năng thị trường giảm giá sắp tới.

Cổ phiếu ngân hàng duy nhất chỉ có VIB, OCB và VPB tăng khoảng 2% trong ngày. Ngược lại có khá nhiều bank giảm trên -2% như SHB, ACB, LPB, EIB. Cổ phiếu chứng khoán chỉ có VND giữ xanh 2.5% trong khi các cổ phiếu lớn HCM, SHS, VCI đều đứng giá hoặc điều chỉnh nhẹ. Riêng SSI giảm mạnh nhất nhóm chứng khoán đến -2.6%.

Thị trường có thể gặp áp lực điều chỉnh trong vài phiên tới khi FED tiến hành điều chỉnh lãi suất trong kỳ họp sắp tới. Ngoài ra hầu hết doanh nghiệp đã công bố kết quả quý 3 vì vậy thị trường sẽ không nhiều thông tin hỗ trợ trong ngắn hạn. Chiến lược giao dịch trong các phiên tới có thể duy trì tỷ trọng tiền mặt cao hơn và chờ các nhịp điều chỉnh mạnh để tích lũy cổ phiếu trở lại.

Lợi nhuận sau thuế quý III của Thiên Long đạt 104 tỷ đồng, gấp 26 lần cùng kỳ



CTCP Tập đoàn Thiên Long (Mã: TLG) vừa công bố BCTC hợp nhất quý III/2022 với doanh thu thuần đạt 899 tỷ đồng, tăng 100% so với cùng kỳ năm trước. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 37% lên 45%.

Trong quý, chi phí bán hàng tăng gấp đôi so với cùng kỳ, khoảng 207 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 19% so với cùng kỳ, đạt 75 tỷ đồng. Nguyên nhân là do chi phí nhân viên, chi phí tiếp thị và hội chợ tăng cao.

Dù các chi phí gia tăng song doanh thu tăng nhanh hơn tốc độ tăng giá vốn giúp lợi nhuận sau thuế quý III của Thiên Long đạt 104 tỷ đồng, gấp 26 lần cùng kỳ, một phần là do dịch COVID-19 đã được kiểm soát khiến thị trường sôi động trở lại. Ngoài ra, công ty còn gia tăng hiệu quả bán hàng nhờ tái cấu trúc các kênh bán và trữ được nguồn nguyên liệu giá thấp nên giá thành sản phẩm được tối ưu.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần ghi nhận 2.780 tỷ đồng tăng 48%, lợi nhuận sau thuế là 404 tỷ đồng tăng 124% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mảng bán thành phẩm vẫn là nguồn thu chủ đạo cho Thiên Long, chiếm 78% tổng doanh thu, đạt 2.165 tỷ đồng.

Năm 2022, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 3.250 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 280 tỷ đồng. Sau ba quý, doanh nghiệp đã thực hiện 86% về doanh thu và vượt 44% kế hoạch lợi nhuận.

Về tình hình tài chính, cuối quý III, tổng tài sản của Thiên Long khoảng 2.755 tỷ đồng, tăng 13% so với đầu năm.

Khoản tiền, tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn đạt 838 tỷ đồng, chiếm 30% tổng tài sản. Đa phần, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng.

Tại ngày 30/9, hàng tồn kho của Thiên Long tăng 17% so với đầu năm, khoảng 812 tỷ đồng, chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm.

Vinaconex lãi trước thuế hơn nghìn tỷ 9 tháng, cao gấp đôi so với cùng kỳ

Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex - Mã: VCG) cho thấy, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý III đạt 3.174 tỷ đồng, tăng 150% so với cùng kỳ, doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 105 tỷ đồng tương đương cùng kỳ.

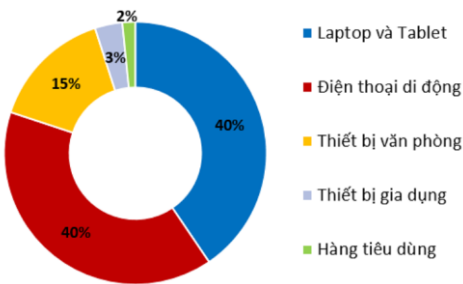
Sau khi trừ chi phí, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tổng công ty đạt 273 tỷ đồng, cao hơn 143% so với cùng kỳ và đến chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính.

Lũy kế 9 tháng, Tổng công ty đạt 6.699 tỷ đồng doanh thu, cao hơn 85,5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.011 tỷ đồng, cao gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 1.733 đồng.

Với kết quả kinh doanh quý III như trên, Vinaconex đang cho thấy khả năng bám sát kế hoạch năm. Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Vinaconex đã được thông qua kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất 2022 đạt 15.300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.400 tỷ đồng, lần lượt tăng 143% và 169% so với thực hiện 2021.

Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn từ chuỗi Thế Giới Di Động và chi nhánh là 576 tỷ đồng; từ chuỗi cửa hàng FPT Shop là 251 tỷ đồng; từ Phong Vũ là 98 tỷ đồng.

Cơ cấu doanh thu của Digiworld quý III/2022





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đang gặp thử thách ngắn hạn do các yếu tố thị trường tác động. Khả năng chỉ số có thể rơi về vùng 1000 điểm tuy nhiên khả năng phá vỡ ngưỡng hỗ trợ cũ 970-980 là thấp. Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rơi sâu để tích lũy cổ phiếu trở lại. Các nhóm cổ phiếu quan tâm: CTG, BID, MBB, SHB, VND, STB, VCI, DGW, FRT, TLG.



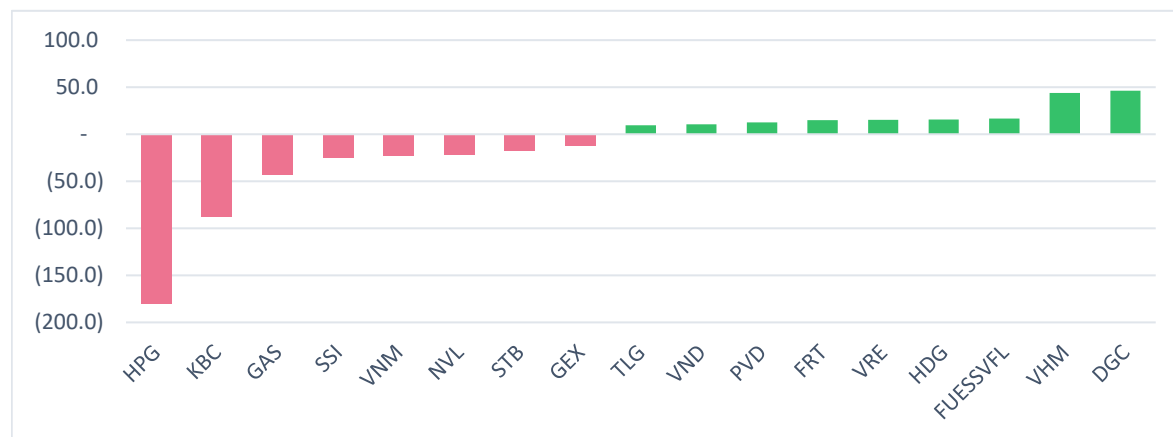
Tổng hợp kết quả kinh doanh 9T.2022

Mã CK	Sàn	Q3/2022	Lợi nhuận +/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2022	EPS 4 quý	P/E Hiện tại
TCB	HOSE	5,297.97	22.1	16,603.1	6,036	3.5
VPB	HOSE	3,729.88	72.6	15,909.6	4,204	3.7
ACB	HOSE	3,586.99	70.6	10,817.7	4,562	4.3
TPB	HOSE	1,711.62	54.2	4,742.9	4,087	4.9
DGC	HOSE	1,413.95	195.6	4,533.5	24,938	2.9
SAB	HOSE	1,341.94	202.3	4,180.5	8,568	21.1
LPB	HOSE	986.89	61.3	3,842.4	3,456	2.7
PDR	HOSE	717.75	18.1	1,412.4	3,794	12.4
VHC	HOSE	450.21	76.2	1,782.1	12,264	5.3
SSI	HOSE	309.13	(54.7)	1,437.8	2,317	6.5
HSG	HOSE	265.00	(84.4)	1,137.4	4,211	2.8
DHG	HOSE	262.39	30.3	752.3	7,058	12.5
BAB	HNX	228.15	7.0	586.4	994	14.1
NT2	HOSE	198.98	(27.2)	724.1	2,936	8.8
HCM	HOSE	165.09	(48.2)	727.2	2,246	7.7
SCS	HOSE	160.85	32.9	501.3	11,778	6.0
PPC	HOSE	155.07	-	310.4	1,168	12.7
VOS	HOSE	154.12	(17.0)	469.8	3,939	2.8
SHP	HOSE	137.03	3.6	276.5	3,775	7.4
KHP	HOSE	133.79	(40.1)	-	257	32.3
VCI	HOSE	122.68	(62.7)	840.5	3,796	6.2
PHR	HOSE	121.59	(16.2)	467.1	5,195	7.8
MBS	HNX	121.19	(34.1)	441.8	2,290	5.3
ANV	HOSE	119.90	-	567.2	4,883	6.1
IJC	HOSE	119.50	44.5	484.4	2,538	4.8
TNG	HNX	106.17	24.6	231.4	3,221	4.8
CSV	HOSE	101.43	159.4	310.1	8,718	4.2
PGD	HOSE	100.93	19.1	258.9	3,667	7.4
TBC	HOSE	94.49	283.5	247.2	4,266	7.2
CHP	HOSE	94.29	82.6	317.5	3,683	6.6
VND	HOSE	93.48	(84.3)	1,309.8	2,688	4.6
DVP	HOSE	93.47	9.3	229.6	7,205	6.9
TCM	HOSE	91.97	-	219.8	3,278	12.9
SHS	HNX	88.25	(64.2)	-	1,763	3.9
VIX	HOSE	88.09	(40.3)	414.6	1,463	4.6
BTP	HOSE	86.56	374.7	-	2,876	5.1

NTP	HNX	83.83	7.9	410.3	4,400	8.0
EVF	HOSE	78.66	(12.0)	242.7	1,052	7.6
DRC	HOSE	77.09	128.6	226.8	2,645	8.7
FMC	HOSE	76.92	36.1	231.6	5,280	6.8
DPR	HOSE	76.04	10.7	180.5	11,396	4.7
VCF	HOSE	74.80	3.7	265.3	17,490	12.1
SJD	HOSE	73.92	-	145.1	2,772	5.8
HDC	HOSE	72.03	6.1	247.5	3,762	7.9
ORS	HOSE	70.57	137.7	-	986	8.7
PDN	HOSE	67.43	77.4	193.1	12,100	10.3
CDN	HNX	65.93	12.5	197.4	2,567	9.7
VNS	HOSE	59.85	-	128.5	594	32.1
VFG	HOSE	59.76	50.0	171.3	6,632	6.0
RAL	HOSE	59.13	40.2	276.9	27,066	2.8
HAX	HOSE	57.46	-	192.3	6,275	3.1
SLS	HNX	57.43	23.1	125.3	20,566	6.3
NCT	HOSE	56.42	(9.3)	170.1	8,618	10.2
IMP	HOSE	55.79	78.1	155.0	3,324	17.1
TDM	HOSE	54.41	110.1	146.5	2,831	11.2
SBA	HOSE	53.86	252.7	144.8	3,479	7.0
LIX	HOSE	52.99	162.9	166.7	7,084	6.1
TTA	HOSE	52.45	80.5	186.2	1,441	7.7
MIG	HOSE	50.75	55.9	135.6	1,423	9.5
STK	HOSE	50.13	(19.7)	195.8	3,974	7.6
DMC	HOSE	49.14	26.6	129.1	5,282	8.4
HVT	HNX	47.42	103.7	125.8	13,238	3.7
SMB	HOSE	44.94	124.4	154.0	7,202	5.7
TNH	HOSE	44.18	(26.4)	98.5	2,728	10.0
CLC	HOSE	41.07	10.3	96.7	5,188	6.7
SZL	HOSE	40.12	41.4	79.6	5,729	8.5
TIP	HOSE	39.91	503.4	56.8	2,358	7.4
BVS	HNX	38.09	16.1	102.3	2,761	5.3
PAC	HOSE	37.00	51.6	133.4	4,333	6.8
HT1	HOSE	36.39	-	197.1	656	14.8
PSD	HNX	32.18	(15.6)	97.3	4,999	3.8
FIR	HOSE	32.15	95.0	89.2	3,748	11.6
AGR	HOSE	30.26	32.6	102.0	857	8.4
CAP	HNX	28.55	256.7	66.2	15,736	5.4
S4A	HOSE	27.89	9.4	81.3	3,711	9.6
IDV	HNX	26.89	(44.0)	102.3	7,474	4.9
KPF	HOSE	26.36	293.8	56.2	1,336	7.0
TKU	HNX	25.26	95.6	77.0	2,416	5.0
KDC	HOSE	24.32	(78.7)	329.4	1,860	33.2
BCF	HNX	24.11	6,300.6	97.4	4,368	8.5
VDS	HOSE	24.04	(67.6)	-	(89)	(91.0)
SZC	HOSE	23.32	(65.0)	159.8	2,279	12.9
DHT	HNX	22.84	163.3	60.2	2,997	13.0
CSM	HOSE	22.77	-	49.9	816	18.4
SVI	HOSE	22.74	63.5	83.3	9,003	6.4
NST	HNX	21.41	225.7	-	933	7.3
PMC	HNX	20.37	570.8	60.4	9,045	6.9
SEB	HNX	20.17	831.7	126.0	5,691	7.9
VIT	HNX	20.10	118.2	-	868	22.8
CCL	HOSE	19.93	169.2	46.1	1,408	4.1



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	22.4	5,995,200	5.2	1.5	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	34.6	2,040,300	12.0	1.9	692,000	618,500	2,883	18,580
CTG	HOSE	24.6	5,961,800	7.9	1.2	887,300	1,080,040	3,099	21,387
EIB	HOSE	37.0	400,100	22.3	2.4	31,800	9,900	1,659	15,513
HDB	HOSE	16.4	1,779,000	4.6	0.9	163,500	597,910	3,591	17,576
LPB	HOSE	11.8	6,317,800	3.5	0.9	17,500	2,060	3,398	13,136
MBB	HOSE	17.7	9,550,900	4.2	0.9	4,012,970	4,036,870	4,221	18,767
MSB	HOSE	12.4	3,089,500	4.2	0.8	-	20,800	2,960	16,090
OCB	HOSE	13.2	2,454,900	4.8	0.8	58,300	19,200	2,754	16,897
SHB	HOSE	11.5	14,782,600	3.7	0.8	155,800	212,370	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.0	1,439,300	12.5	2.6	34,100	1,500	2,472	11,892
STB	HOSE	16.2	13,785,600	8.5	0.9	433,200	499,710	1,905	18,989
TCB	HOSE	24.6	4,810,300	4.3	0.8	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	20.7	2,456,300	5.1	1.1	100	42,860	4,024	18,340
VCB	HOSE	73.5	904,300	12.3	2.8	240,600	51,000	5,956	25,988
VIB	HOSE	19.6	1,822,400	4.3	1.5	-	220	4,528	13,403
VPB	HOSE	16.4	12,627,600	3.8	0.7	90,900	-	4,346	22,163
BAB	HNX	14.1	7,700	14.1	1.1	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	14.8	45,500		1.9	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	8.9	18,400	7.7	0.7	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	7.9	136,700	4.6	0.6	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	14.0	36,500		1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	19.0	12,000	17.8	1.3	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	8.8	267,000			-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	22.2	5,500	21.5	1.7	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	9.3	619,400	13.0	0.7	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	8.4	2,119,300	3.1	0.6	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	8.54	1.24	6,818,070	7,192,940	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZG	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	28/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	FOX	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	30/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SJG	UPCoM	24/11/2022	25/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 280 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	E29	UPCoM	16/11/2022	17/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNW	UPCoM	14/11/2022	15/11/2022	15/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SFC	HOSE	14/11/2022	15/11/2022	5/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NVL	HOSE	11/11/2022	14/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24.75	Thưởng cổ phiếu
10	SZL	HOSE	10/11/2022	11/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV4	HNX	9/11/2022	10/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	HAN	UPCoM	4/11/2022	7/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 430 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1.0705	Thưởng cổ phiếu
14	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:0.6469, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	BTD	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PC1	HOSE	1/11/2022	2/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	16/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VEA	UPCoM	28/10/2022	31/10/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,493.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PNJ	HOSE	28/10/2022	31/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PCT	HNX	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TLP	UPCoM	27/10/2022	28/10/2022	14/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 339 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	SAM	HOSE	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	BMP	HOSE	26/10/2022	27/10/2022	1/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 3,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TMX	HNX	26/10/2022	27/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	IDP	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931